TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS- ST.
Ngày: 07 - 02 - 2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Như Tạ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2019/TLST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1988 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đồng Minh H, sinh năm 1996 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số A C, TDP B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Chị Trương Thị Gia U, sinh năm 1996 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Phan Thị Q kinh doanh quần áo tại Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, quen biết chị Trương Thị Gia U đã lâu. Ngày 27-12-2018 chị Q cho chị U vay 500.000.000 đồng, mục đích để làm ăn buôn bán và đáo hạn ngân hàng. Hai bên thỏa thuận chị U góp (trả lại) mỗi ngày 4.000.000 đồng. Hẹn 02 tháng sẽ trả gốc và lãi. Lãi

suất hai bên thỏa thuận khi trả xong mới tính. Từ ngày 28-12-2018 đến ngày 10-01-2019 chị U đã trả cho chị Q được 50.000.000 đồng.

Ngày 04-01-2019, ngày 07-01-2019 và ngày 09-01-2019 chị U tiếp tục vay của chị Q số tiền lần lượt là 26.000.000 đồng, 80.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Toàn bộ đều chuyển khoản qua ngân hàng. Thỏa thuận trả sau 02 tuần.

Từ ngày 10-01-2019 đến nay chị U không trả nợ gốc, lãi cho chị Q.

Do chị U vi phạm nghĩa vụ, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị U trả tổng số tiền nợ gốc là 586.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày chị U vi phạm nghĩa vụ cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

***Bị đơn chị Trương Thị Gia U trình bày*:** Chị quen biết với chị Phan Thị Q từ lâu do hai nhà ở gần nhau. Tháng 8 năm 2018 chị bắt đầu vay tiền của chị Q, số tiền 200.000.000 đồng, mỗi ngày trả dần 3.700.000 đồng. Mục đích vay để kinh doanh, số nợ này đã trả hết.

Ngày 27-12-2018, chị U vay chị Q số tiền 500.000.000 đồng. Mục đích vay để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận 200.000.000 đồng là tiền cứng (đóng tiền lãi mỗi tháng – 17.000.000đ/tháng); đối với số tiền 300.000.000 đồng thì góp trả dần mỗi ngày 4.000.000 đồng, trả dần trong 85 ngày. Chị đã trả được 160.000.000 đồng.

Ngày 04-01-2019; ngày 07-01-2019 và ngày 09-01-2019 chị tiếp tục vay của chị Q lần lượt số tiền 26.000.000 đồng; 80.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Chị đã trả được 30.000.000 đồng bằng tiền mặt. Chị không nhớ ngày cụ thể.

Sau khi trả cho chị Q được 160.000.000 đồng của số nợ 500.000.000 đồng thì chị không còn khả năng trả nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, quan điểm của chị là không đồng ý với số tiền nợ gốc là 586.000.000 đồng vì trước tết âm lịch năm 2019 chị và chị Q đối chiếu công nợ, chị chỉ còn nợ khoảng 340.000.000 đồng và lãi suất, tuy nhiên chị đề nghị trả lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Phan Thị Q trình bày: Chị Trương Thị Gia U vay của chị Phan Thị Q 04 lần, tổng số tiền 636.000.000 đồng, đã trả qua tài khoản ngân hàng số tiền 54.800.000 đồng, người trả được ghi là "chuot". Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 581.200.000 đồng và lãi suất từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày 23 tháng 01 năm 2019.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Q, buộc chị Trương Thị Gia U trả nợ gốc và lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trương Thị Gia U chỉ đến Tòa án để viết bản tự khai và Tòa án lấy lời khai vào ngày 25-9-2019. Sau đó chị U không có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ như đã cam kết. Gia đình chị U từ chối nhận thay văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị Q yêu cầu chị Trương Thị Gia U trả tiền nợ gốc đã vay và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị U là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn Quảng Hòa, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chồng chị Trương Thị Gia U là anh Trương Thanh P, sinh năm 1995, trú tại Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông khai đăng ký kết hôn với chị U vào ngày 18-11-2018. Anh P không biết gì về việc vay tiền giữa chị U với chị Q. Anh làm lơ xe nhà xe Đức Phong, thường xuyên phải đi làm xa. Anh với chị U đã ly thân từ lâu. Chị U cũng đã bỏ nhà đi, để lại 02 con chung cho anh và bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không vay tiền của chị Q, không sử dụng tiền chị U vay, tiền này không vay vì sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu trong gia đình hay để phát triển kinh tế gia đình. Anh chị cũng không có tài sản chung nào. Anh có việc làm và thường xuyên đưa tiền cho Uyên chăm lo gia đình. Vì vậy, anh không có nghĩa vụ cùng chị U trả nợ. Xét thấy lời khai của anh P phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu chị U trả nợ, không có yêu cầu gì đối với anh P. Vì vậy, căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không đưa anh P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chồng chị Phan Thị Q là anh Trương Nhật T, sinh năm 1984, trú tại Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông trình bày không biết gì về việc vay mượn tiền giữa chị Q và chị U. Số tiền cho vay là tài sản riêng của chị Q và không có ý kiến gì về khoản tiền cho vay, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Xét thấy anh T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nội dung vụ án và không có yêu cầu gì. Vì vậy Tòa án không đưa anh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Q, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào chứng cứ (bản gốc) gồm giấy mượn tiền; 03 giấy nộp tiền chị Phan Thị Q cung cấp và trình bày của các đương sự, khẳng định số tiền chị Trương Thị Gia U đã vay của chị Phan Thị Q các ngày 27-28 tháng 12 năm 2018 là 500.000.000 đồng; ngày 04 tháng 01 năm 2019 vay 26.000.000 đồng; ngày 07 tháng 01 năm 2019 vay 80.000.000 đồng và ngày 09 tháng 01 năm 2019 vay 30.000.000 đồng. Tổng số tiền chị U vay của chị Q từ ngày 27 tháng 12 năm 2018 đến ngày 09 tháng 01 năm 2019 là 636.000.000 đồng. Hai bên thống nhất lời khai trong 500.000.000 vay vào tháng 12 năm 2018 có thỏa thuận trả góp theo ngày, mỗi ngày trả 4.000.000 đồng.

Theo trình bày của chị Q, từ ngày 28-12-2018 đến ngày 10-01-2019 chị U đã trả được 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Q trình bày chị U đã trả vào tài khoản ngân hàng của chị Q số tiền 54.800.000 đồng, chị Q có nhầm lẫn trong lời khai do chưa cộng kỹ. Chị U không cung cấp được tài liệu chứng minh đã trả được 160.000.000 đồng của khoản vay 500.000.000 đồng và 30.000.000 đồng của khoản vay từ ngày 04-01-2019 đến 09-01-2019 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận trình bày của chị. Theo sổ phụ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đăk Nông thể hiện từ ngày 28-12-2018 đến ngày 22-01-2019 chị U (Chuột) trả cho chị Q tổng số tiền 54.800.000 đồng. Do hai bên đều thống nhất về việc trả góp nợ gốc mỗi ngày 4.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền đã trả này sẽ được trừ vào nợ gốc. Như vậy, nợ gốc chị U còn phải trả cho chị Q là:

636.000.000 – 54.800.000 = 581.200.000 đồng.

Các bên có thỏa thuận góp tiền trả theo ngày nhưng chị U vi phạm nghĩa vụ cam kết, toàn bộ các khoản nợ còn lại là nợ đến hạn theo quy định tại Điều 282 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất: Hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất, quá trình giải quyết vụ án hai bên thừa nhận có lãi suất nhưng có mâu thuẫn về lãi và cách tính lãi. Vì vậy, lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Từ ngày 23-01-2019 trở đi chị U không trả nợ gốc cho chị Q nên ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 23-01-2019.

581.200.000 x 10%/năm x 01 năm 14 ngày = 60.380.000 đồng.

Trong đó:

- Lãi suất là 10%/năm.

- Thời gian chậm trả tính từ ngày 23-01-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Như vậy, chị Trương Thị Gia U có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Q 641.580.000 đồng (trong đó nợ gốc 581.200.000 đồng, lãi suất là 60.380.000 đồng).

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên và trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Q được chấp nhận nên chị U phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 282, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Q đối với chị Trương Thị Gia U.

Buộc chị Trương Thị Gia U phải trả cho chị Phan Thị Q 641.580.000 đồng (trong đó nợ gốc 581.200.000 đồng, lãi suất 60.380.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Chị Trương Thị Gia U phải nộp 29.663.000đ *(Hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị Q được nhận lại 13.720.000đ *(Mười ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001393 ngày 03-7-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đăk R'Lấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Thị Thu Hà